

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (028) 38244975 - Fax: (028) 38223088

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI**

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

kèm theo

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP**

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 3 - ngõ 1295 đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (024) 3 974 5081/82

Fax: (024) 3 974 5083

Hà Nội, tháng 08 năm 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (028) 38244975 - Fax: (028) 38223088

MỤC LỤC

Nội dung	Trang số
Báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kết quả công tác soát xét	4 - 5
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	
<i>Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30/6/2017</i>	6 - 7
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017</i>	8
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017</i>	9
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm tài chính từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017</i>	10 - 43

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (028) 38244975 - Fax: (028) 38223088

Báo cáo của Ban giám đốc

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông Dược HAI trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017.

Khái quát chung về Công ty Cổ phần Nông Dược HAI

Công ty Cổ phần Nông Dược HAI được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Bảo vệ thực vật II trực thuộc Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn theo quyết định số 2616/QĐ/BNN- TCCB ngày 30 tháng 08 năm 2004 của Thủ tướng chính phủ.

Công ty Cổ Phần Nông Dược HAI ("Công ty"), là Công ty Cổ Phần, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301242080 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07 tháng 02 năm 2005 thay đổi gần nhất lần thứ 15 ngày 11 tháng 09 năm 2015.

Công ty có trụ sở tại: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị:

- | | |
|-------------------------|-------------------------------------|
| 1 Ông Trần Quang Huy | CTHDQT (bổ nhiệm ngày 25/7/2017) |
| 2 Ông Doãn Văn Phương | CTHDQT (miễn nhiệm ngày 25/07/2017) |
| 3 Ông Quách Thành Đồng | Tổng Giám Đốc/ Ph. CTHĐQT |
| 4 Ông Lê Thành Vinh | Ủy viên |
| 5 Ông Ngô Văn Thu | Ủy viên |
| 6 Ông Lê Văn Sắc | Ủy viên |
| 7 Bà Nguyễn Bình Phương | Ủy viên |

Ban Giám đốc:

- | | |
|------------------------|---|
| 1 Ông Quách Thành Đồng | Tổng Giám đốc |
| 2 Ông Ngô Văn Thu | Phó Tổng Giám đốc |
| 3 Ông Phạm Thanh Vương | PGĐ-Kế toán trưởng (Nghị quyết số 01 ngày 13/02/2017) |

Ban Kiểm soát:

- | | |
|------------------------|------------|
| 1 Ông Nguyễn Thiện Phú | Trưởng ban |
| 2 Ông Đoàn Văn Cường | Thành viên |
| 3 Ông Trần Thế Anh | Thành viên |

Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 của Công ty được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Tổng Giám đốc

Quách Thành Đồng

Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2017



Số: 263/2017/CPA HANOI - BCKTSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
của Công ty Cổ phần Nông Dược HAI**

Kính gửi:

CÁC CỔ ĐÔNG

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2017 của Công ty Cổ phần Nông Dược HAI được lập ngày 05/08/2017 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017 được trình bày từ trang 05 đến trang 43 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nông Dược HAI chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính đã được soát xét, được lập thành 06 bản tiếng Việt; các bản có giá trị pháp lý như nhau Công ty cổ phần Nông Dược HAI giữ 05 bản, Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2017

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Phó tổng Giám đốc



Lê Văn Dò

Giấy CNDKHNKT số: 0231-2013-016-1

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (028) 38244975 - Fax: (028) 38223088

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A.TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.001.376.474.760	1.821.014.427.201
I.Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	29.687.837.664	47.927.637.516
1.Tiền	111		14.687.837.664	35.927.637.516
2.Các khoản tương đương tiền	112		15.000.000.000	12.000.000.000
II.Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		670.800.000.000	670.800.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	670.800.000.000	670.800.000.000
III.Các khoản phải thu ngắn hạn	130		847.729.890.282	688.868.127.976
1.Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4	721.647.039.434	593.836.620.277
2.Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		35.810.256.732	31.028.362.925
3.Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.1	115.778.796.265	89.509.346.923
4. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.4	(27.691.371.287)	(27.691.371.287)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.5.3	2.185.169.138	2.185.169.138
IV.Hàng tồn kho	140		443.974.462.638	397.298.396.702
1.Hàng tồn kho	141	V.6	443.974.462.638	397.298.396.702
V.Tài sản ngắn hạn khác	150		9.184.284.176	16.120.265.007
1.Chí phí trả trước ngắn hạn	151	V.10.1	3.137.839.184	11.330.343.344
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.024.809.617	4.763.577.228
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153	V.13b	21.635.375	26.344.435
B.TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	200		234.177.838.458	229.903.300.882
I.Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	10.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5.2	10.000.000	10.000.000
II.Tài sản cố định	220		81.398.725.877	84.174.792.605
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	31.774.573.937	33.874.161.652
- Nguyên giá	222		61.826.041.571	61.769.626.001
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(30.051.467.634)	(27.895.464.349)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	49.624.151.940	50.300.630.953
- Nguyên giá	228		61.424.345.044	61.449.042.324
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(11.800.193.104)	(11.148.411.371)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.754.053.078	3.741.754.515
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	5.754.053.078	3.741.754.515
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.3	135.586.850.000	135.737.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		134.450.000.000	134.450.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2.249.390.000	2.249.390.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(1.112.540.000)	(962.390.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		11.428.209.503	6.239.753.762
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.2	11.426.546.257	6.239.753.762
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17	1.663.246	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.235.554.313.218	2.050.917.728.083

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 43 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (028) 38244975 - Fax: (028) 38223088

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		883.680.862.894	721.611.753.050
I. Nợ ngắn hạn	310		883.660.206.094	721.569.483.581
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	297.387.562.879	191.091.826.683
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.372.471.430	1.186.012.581
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13a	18.859.070.260	11.771.089.833
4. Phải trả người lao động	314		502.942.402	4.261.950.091
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	874.717.450	1.275.270.326
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	103.284.000	
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	26.180.491.532	30.246.879.132
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11.1	530.376.327.576	475.663.957.484
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.003.338.565	6.072.497.451
II. Nợ dài hạn	330		20.656.800	42.269.469
1. Thuế TN hoãn lại phải trả	341	V.17	20.656.800	42.269.469
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.351.873.450.324	1.329.305.975.033
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	1.351.873.450.324	1.329.305.975.033
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.172.993.140.000	1.172.993.140.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.172.993.140.000	1.172.993.140.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		36.904.890.021	36.951.290.021
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		36.830.790.221	27.633.736.660
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		105.144.630.082	91.727.808.352
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		76.420.876.467	47.979.412.349
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		28.723.753.615	43.748.396.003
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.235.554.313.218	2.050.917.728.083

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2017



Đỗ Thị Ngọc Út



Phạm Thanh Vương



Tổng Giám đốc

Quách Thành Đồng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	640.158.965.615	621.360.330.141
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	251.428.500	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.3	639.907.537.115	621.360.330.141
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	541.898.831.837	526.928.591.049
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		98.008.705.278	94.431.739.092
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	18.002.174.608	15.001.113.077
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	23.245.869.210	16.337.109.203
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		20.180.562.831	16.589.958.712
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	56.234.426.852	55.971.848.696
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8	9.694.728.187	8.517.033.210
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26.835.855.637	28.606.861.060
11. Thu nhập khác	31	VI.9	8.761.449.083	7.880.665.213
12. Chi phí khác	32	VI.10	11.779.357	333.466.467
13. Lợi nhuận khác	40		8.749.669.726	7.547.198.746
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		35.585.525.363	36.154.059.806
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	6.885.047.663	6.844.490.001
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(23.275.915)	4.387.824
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		28.723.753.615	29.305.181.981

Người lập biểu



Đỗ Thị Ngọc Út

Kế toán trưởng



Phạm Thanh Vương

Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2017

Tổng Giám đốc



Quách Thành Đồng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		533.879.509.688	667.061.272.757
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(520.759.869.464)	(626.604.904.712)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(24.292.685.783)	(20.251.658.331)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(18.480.076.735)	(16.804.522.173)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			(2.000.100.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		52.303.918.271	59.082.255.678
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(80.298.291.329)	(55.508.242.802)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(57.647.495.352)	4.974.100.417
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(15.757.803.772)	(43.872.388.010)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			21.108.677
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			11.536.170.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		431.349.311	2.101.863.931
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(15.326.454.461)	(30.213.245.402)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của DN đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	VII.1	489.271.272.967	538.127.461.723
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII.2	(434.534.058.777)	(501.682.648.818)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		54.737.214.190	36.444.812.905
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(18.236.735.623)	11.205.667.920
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		47.927.637.516	20.668.133.939
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		(3.064.229)	(1.304.264)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		29.687.837.664	31.872.497.595

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2017

Tổng Giám đốc



Đỗ Thị Ngọc Út

Phạm Thanh Vương

Quách Thành Đồng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 43 là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Nông Dược HAI được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước là Công ty Bảo vệ thực vật II trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quyết định số 2616/QĐ/BNN - TCCB ngày 30/08/2004 của Thủ tướng chính phủ. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 030124080 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/02/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 11 tháng 09 năm 2015.

Công ty có trụ sở tại: 28 Mạc Đĩnh Chi, P Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh

Vốn điều lệ của Công ty trên đăng ký kinh doanh là: 1.172.993.140.000 đồng

Bằng chữ: Một nghìn một trăm bảy mươi hai tỷ chín trăm chín mươi ba triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn.

2 Lĩnh vực kinh doanh: Thương mại và dịch vụ**3 Ngành nghề kinh doanh**

- Sản xuất hóa chất cơ bản.
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết : mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), phân bón. Mua, bán thuốc bảo vệ thực vật. Mua bán hạt nhựa
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp : chi tiết sản xuất giống cây trồng.
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống, Chi tiết : mua bán giống cây trồng, hạt giống, cung cấp giống cây trồng.
- Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hóa chất khác dùng trong nông nghiệp, Chi tiết : Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật.
- Trồng lúa.
- Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác
- Trồng cây lấy sợi
- Trồng cây có hạt chứa dầu
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh.
- Trồng cây ăn quả, trồng cây điều, trồng cây hồ tiêu, trồng cà phê, cây gia vị, cây dược liệu.
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, Chi tiết cho thuê kho, văn phòng, kinh doanh bất động sản
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết : cho thuê máy móc thiết bị sản xuất ngành nông dược.
- Cho thuê xe có động cơ, Chi tiết : cho thuê xe tải.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (028) 38244975 - Fax: (028) 38223088

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

- Quảng cáo, chi tiết, dịch vụ quảng cáo thương mại.
- Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận. Chi tiết : dịch vụ nghiên cứu thị trường.
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, chi tiết : dịch vụ tiếp thị.

Các chi nhánh của Công ty:

Chi nhánh công ty cổ phần Nông dược HAI tại Đồng Nai

Địa chỉ : ấp Trần Cao Vân xã Bầu Hàm 2, huyện Thống nhất, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Chi nhánh công ty cổ phần Nông dược HAI - Thừa Thiên Huế

Địa chỉ : 606 Lê Duẩn, phường Phú Thuận, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Vĩnh Long (đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động)

Địa chỉ : Tổ 33, ấp Long Thuận, xã Long Phước, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

Chi nhánh công ty cổ phần Nông dược HAI - Kiên Giang

Địa chỉ : số 97A, ấp Phước Ninh, xã Mong Thọ B, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang, Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Tiền Giang

Địa chỉ : Km 1990, quốc lộ 1, ấp Mỹ Cần, huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Nghệ An

Địa chỉ : số 19, đường Nguyễn Tiềm, khối 11, phường Đội Cung, TP Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Chi nhánh công ty cổ phần Nông dược HAI - Sóc Trăng

Địa chỉ : ấp Tân Phước, xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - An Giang

Địa chỉ : ấp Hòa Phú 1, thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Cần Thơ

Địa chỉ : Lô 30A4 khu công nghiệp Trà Nóc I, P Trà Nóc, Q Bình Thủy, TP Cần Thơ, Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Hà Nội

Địa chỉ : Phòng 2404 nhà 24T1 khu đô thị Trung Hòa Nhân Chính, Q Cầu Giấy, Hà Nội, VN

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Đồng Tháp

Địa chỉ : số 407 Nguyễn Trãi, thị trấn Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Lâm Đồng

Địa chỉ : số 25A, tổ 10 thôn Phi Nôm, xã Hiệp Thạnh, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Sơn La

Địa chỉ : Tiểu khu 3, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Đắk Lắk

Địa chỉ : Số 472, đường Võ Văn Kiệt, P Khánh Xuân, TP Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam

Chi nhánh Công ty cổ phần Nông dược HAI - Thanh Hóa

Địa chỉ : 07/775 Nguyễn Trãi, Phường Phú Sơn, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, Việt Nam

Các công ty con :

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (028) 38244975 - Fax: (028) 38223088

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.

Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI.

Công ty TNHH Sản xuất & Thương mại HAI - Long An

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán :

Trước đây kỳ kế toán của đơn vị từ ngày 01/10 năm trước đến 30/09 năm sau

Kỳ kế toán chuyển đổi là kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2015 đến 31/12/2015

Kể từ năm 2016 đơn vị thực hiện kỳ kế toán từ 01/01 đến 31/12 năm dương lịch.

Đây là Báo cáo tài chính giữa niên độ nên kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017.

2. Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán, lập và trình bày báo cáo tài chính là: Đồng Việt Nam (VND).

III. Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và thông tư thay đổi bổ sung kèm theo.
2. Tuyên bố tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:
Chúng tôi, Công ty cổ phần Nông Dược HAI, tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành, phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

1 Các loại tỷ giá hối đoái sử dụng trong kế toán:

a Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế:

- Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ:
 - + Tỷ giá giao dịch khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại.
 - + Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính: Là tỷ giá công bố của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch theo nguyên tắc:

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (028) 38244975 - Fax: (028) 38223088

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

b Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ: Tỷ giá ghi sổ gồm tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh hoặc tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động.

- Tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh: Là tỷ giá khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định theo tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc tại thời điểm đánh giá lại cuối kỳ của từng đối tượng.

- Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động là tỷ giá được sử dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, được xác định trên cơ sở lấy tổng giá trị được phản ánh tại bên Nợ tài khoản tiền chia cho số lượng ngoại tệ thực có tại thời điểm thanh toán.

c Nguyên tắc áp dụng tỷ giá trong kế toán:

- Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với:

+ Các tài khoản phản ánh doanh thu, thu nhập khác. Riêng trường hợp bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ hoặc thu nhập có liên quan đến doanh thu nhận trước hoặc giao dịch nhận trước của người mua thì doanh thu, thu nhập tương ứng với số tiền nhận trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước của người mua.

+ Các tài khoản phản ánh chi phí sản xuất, kinh doanh, chi phí khác. Riêng trường hợp phân bổ khoản chi phí nhận trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ thì chi phí được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước.

+ Các tài khoản phản ánh tài sản. Riêng trường hợp tài sản được mua có liên quan đến giao dịch trả trước cho người bán thì giá trị tài sản tương ứng với số tiền trả trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước cho người bán.

+ Tài khoản loại vốn chủ sở hữu.

+ Bên Nợ các tài khoản phải thu; Bên Nợ các tài khoản vốn bằng tiền; Bên Nợ các tài khoản phải trả khi phát sinh giao dịch trả tiền trước cho người bán.

+ Bên Có các tài khoản phải trả; Bên Có các tài khoản phải thu khi phát sinh giao dịch nhận trước tiền của người mua.

- Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các loại tài khoản sau:

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (028) 38244975 - Fax: (028) 38223088

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

- + Bên Có các tài khoản phải thu (ngoại trừ trường hợp giao dịch nhận trước tiền của người mua); Bên Nợ tài khoản phải thu khi tất toán khoản tiền nhận trước của người mua do đã chuyển giao sản phẩm, hàng hoá, TSCĐ, cung cấp dịch vụ, khối lượng được nghiệm thu; Bên Có các tài khoản ký cược, ký quỹ, chi phí trả trước.
- + Bên Nợ các tài khoản phải trả (ngoại trừ giao dịch trả trước tiền cho người bán); Bên Có tài khoản phải trả khi tất toán khoản tiền ứng trước cho người bán do đã nhận được sản phẩm, hàng hoá, TSCĐ, dịch vụ, nghiệm thu khối lượng.
- + Trường hợp trong kỳ phát sinh nhiều khoản thu hoặc phải trả bằng ngoại tệ với cùng một đối tượng thì tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền di động của các giao dịch đối với các đối tượng đó.
- Khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ, tỷ giá bình quân gia quyền di động được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở Bên Có các tài khoản tiền.

2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: các khoản tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển và các khoản tương đương tiền của doanh nghiệp. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản đầu tư khác có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty con, đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc, bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư hoặc ngày mua trái phiếu.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được áp dụng theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

4 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

- Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Hàng tồn kho không bao gồm giá trị chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn và giá trị thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn.

Những chi phí không được tính vào giá gốc hàng tồn kho:

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp....

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp Bình quân gia quyền).

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm lập Báo cáo tài chính là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Tăng giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn.

6 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình và thuê tài chính

Tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 -50 năm
Máy móc thiết bị	3 - 12 năm
Phương tiện vận tải	6- 10 năm
Thiết bị quản lý	3 - 10 năm
Tài sản cố định khác	3 - 5 năm
Tài sản cố định vô hình	3 - 50 năm

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

7 Nguyên tắc kế toán các hợp đồng, hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh có thể được thực hiện dưới hình thức cùng nhau xây dựng tài sản hoặc hợp tác trong một số hoạt động kinh doanh. Các bên tham gia có thể thoả thuận chia doanh thu, chia sản phẩm hoặc chia lợi nhuận sau thuế.

Trong mọi trường hợp, khi nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng cho hoạt động hợp tác kinh doanh, bên nhận phải kế toán là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu.

Đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh theo hình thức tài sản đồng kiểm soát mỗi bên tham gia được nhận sản phẩm hoặc doanh thu từ việc sử dụng và khai thác tài sản đồng kiểm soát và chịu một phần chi phí phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các khoản chi phí phát sinh riêng cho hoạt động này bên nào bỏ ra bên đó gánh chịu. Đối với các khoản chi phí chung (nếu có) thì căn cứ vào các thoả thuận trong hợp đồng để phân chia cho các bên góp vốn.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

8 Nguyên tắc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế ngoại trừ:

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi các công ty trong Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự tính thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

9 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

- Các loại chi phí trả trước dài hạn bao gồm
 - Chi phí trả trước về thuê cơ sở hạ tầng, thuê hoạt động tài sản cố định.
 - Chi phí mua bảo hiểm và các loại lệ phí mà doanh nghiệp mua và trả một lần cho nhiều kỳ kế toán.
 - Công cụ, dụng cụ, bao bì luân chuyển đồ dùng cho thuê liên quan đến hoạt động nhiều kỳ kế toán.
 - Chi phí trả trước về lãi tiền vay hoặc lãi trái phiếu ngay khi phát hành.
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn, doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn TSCĐ và phân bổ tối đa không quá 3 năm
- Số chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của TSCĐ bán và thuê lại là thuê hoạt động.
- Trường hợp hợp nhất kinh doanh không dẫn tới quan hệ công ty mẹ - công ty con có phát sinh lợi thế thương mại hoặc khi cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước có phát sinh lợi thế kinh doanh.
- Các khoản chi phí trả trước khác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

10 Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, và các khoản phải trả khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời gian đáo hạn không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là phải trả ngắn hạn.
- Các khoản không được phân loại là ngắn hạn thì được phân loại lại là dài hạn.

11 Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được hạch toán vào chi phí tài chính. Trường hợp các chi phí này phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hoá.

Đối với các khoản nợ thuê tài chính, tổng số nợ thuê phản ánh là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

12 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chính sách kế toán áp dụng cho chi phí đi vay Công ty thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán số 16 về Chi phí đi vay, cụ thể:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

13 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.

Chi phí phải trả dùng để phản ánh các khoản phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hoá đơn hoặc chưa đủ hồ sơ tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Ngoài ra chi phí phải trả còn phản ánh các khoản phải trả cho người lao động trong kỳ như phải trả về tiền lương nghỉ phép và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo phải trích trước như:

Chi phí trong thời gian doanh nghiệp ngừng sản xuất theo mùa vụ.

Trích trước chi phí lãi tiền vay phải trả trong trường hợp vay trả lãi sau, lãi trái phiếu trả sau.

Trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng hoá, thành phẩm bất động sản đã bán.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

14 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả.

Các khoản dự phòng phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại nhưng thường chưa xác định được thời gian thanh toán cụ thể. Các khoản này được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra.
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Các khoản dự phòng phải trả này thường được ước tính và có thể chưa xác định được chắc chắn số sẽ phải trả. Các khoản phải trả chưa phát sinh do chưa nhận hàng hoá, hàng hoá dịch vụ nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ này để đảm bảo khi phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất, kinh doanh được phản ánh là dự phòng phải trả. Các trích trước được phản ánh vào dự phòng phải trả được, như:

Chi phí sửa chữa lớn của những tài sản đặc thù do việc sửa chữa lớn có tính chu kỳ, doanh nghiệp được phép trích trước chi phí sửa chữa lớn cho năm kế hoạch hoặc một số năm tiếp theo.

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây dựng, tái cơ cấu;

Các khoản dự phòng phải trả khác.

15 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện:

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: Số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; Khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; Và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: Khoản chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hoá, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống... Không hạch toán vào doanh thu chưa thực hiện các khoản :

- Tiền nhận trước của người mua mà doanh nghiệp chưa cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ;
- Doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ;

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

16 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu bao gồm:
 - + Vốn góp ban đầu, góp bổ sung của các chủ sở hữu.
 - + Các khoản được bổ sung từ các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu, lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái đều được phản ánh ngày vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh.
- Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc mua lại cổ phiếu.
- Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo điều lệ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông của Công ty.

17 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng, được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

Lãi tiền gửi, lãi cho vay, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, chiết khấu thanh toán được hưởng khi mua hàng hoá dịch vụ...

Cổ tức lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.

Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; Lãi chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác.

Lãi tỷ giá hối đoái và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác

18 Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu được điều chỉnh giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì được coi là sự kiện cần được điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước)

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước sau điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

19 Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán ra trong kỳ. Ngoài ra nó phản ánh đến các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, chi phí nghiệp vụ cho thuê bất động sản đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý bất động sản đầu tư.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho.

Chi phí nguyên vật liệu, nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn trong kỳ.

Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua nếu khi xuất bán hàng hoá mà các khoản thuế đó được hoàn lại thì ghi giảm giá vốn hàng bán.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi hàng mua đã tiêu thụ được ghi giảm giá vốn hàng bán.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

20 Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác được ghi giảm chi phí tài chính tài chính.

21 Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng của doanh nghiệp là các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Các khoản hoàn nhập dự phòng phải trả về bảo hành sản phẩm, hàng hoá (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng kỳ này nhỏ hơn số phải lập dự phòng kỳ trước chưa sử dụng hết) thì ghi giảm chi phí bán hàng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương và trích theo lương của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, chi phí công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

Hoàn nhập số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số phải lập dự phòng kỳ này nhỏ hơn số phải lập dự phòng kỳ trước chưa sử dụng hết) được ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

22 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở tổng thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc:

Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm.

Hoàn lại tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (028) 38244975 - Fax: (028) 38223088

Thuyết minh Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)

1. Tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	4.298.290.939	3.996.064.024
Tiền mặt tại quỹ	4.276.515.939	3.996.064.024
Vàng bạc, đá quý	21.775.000	-
Tiền gửi Ngân hàng	10.389.546.725	31.931.573.492
Tiền gửi ngân hàng VND	9.694.045.362	28.909.230.349
Tiền gửi Ngân hàng ngoại tệ	695.501.363	3.022.343.143
- Các khoản tương đương tiền	15.000.000.000	12.000.000.000
Tiền gửi NH TMCP ĐT và phát triển (1)	15.000.000.000	10.000.000.000
Tiền gửi tiết kiệm NH Viettinbank	-	2.000.000.000
Cộng	29.687.837.664	47.927.637.516

(1): Theo các hợp đồng sau: Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn HĐTG.310.3630041 ngày 09/12/2016 và phụ lục HĐTG số tiền 10 tỷ, kỳ hạn 1 tháng, lãi suất 4,3%/năm và Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 7/HĐTG.310.3630041 ngày 30/03/2017 số tiền 5 tỷ, kỳ hạn 1 tháng, lãi suất 4,3%/năm.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư ngắn hạn		
Đầu tư vào các bên liên quan	665.800.000.000	665.800.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Địa ốc HAI (1)	665.800.000.000	665.800.000.000
Đầu tư vào các bên không liên quan	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Sở giao dịch 2 (2)	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	670.800.000.000	670.800.000.000

(1): Hợp đồng ủy thác đầu tư số 01/2015/HAI - HAILAND ngày 10/3/2015, số tiền ủy thác đầu tư: 516.000.000.000 đồng (năm trăm mười sáu tỷ đồng). Hợp đồng ủy thác đầu tư số 02/2015/HAI - HAILAND ngày 31/3/2015, số tiền ủy thác đầu tư: 200.000.000.000 đồng (hai trăm tỷ đồng). Công ty Cổ phần Nông dược Hai ủy thác cho Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Địa ốc Hai tổng số tiền: 716.000.000.000 đồng (bảy trăm mười sáu triệu đồng) theo 02 hợp đồng ủy thác Đầu tư trên để thực hiện việc quản lý và đầu tư cho các hoạt động kinh doanh của Công ty con. Thời hạn ủy thác kể từ ngày Công ty Cổ phần Nông dược Hai chuyển tiền cho Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Địa ốc Hai đến khi Công ty Cổ phần Nông dược Hai có yêu cầu rút vốn. Lãi suất ủy thác 9.5%/năm theo Phụ Lục Hợp Đồng UTĐT Số 01-2017/HAI-HAILAND ngày 01/01/2017 và thay đổi là 9.3%/năm theo phụ lục Hợp đồng UTĐT Số 02-2017/HAILAND ngày 01/04/2017

(2): Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 81.15.103.2355569.TG.CIB ngày 18/8/2015, kỳ hạn gửi: 06 tháng, lãi suất: 5,4%/năm.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM
Điện thoại: (028) 38244975 - Fax: (028) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính
Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

3. Các khoản đầu tư tài chính

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

TT	Nội dung	Số cuối kỳ				Số đầu kỳ			
		Tỷ lệ QSH	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ QSH	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
I	Đầu tư công ty con		134.450.000.000	-	134.450.000.000		134.450.000.000	-	134.450.000.000
1	Công ty TNHH HAI Quy Nhơn	100,00%	5.000.000.000	-	5.000.000.000	100,00%	5.000.000.000	-	5.000.000.000
2	Công ty TNHH SX và TM HAI Long An	100,00%	29.450.000.000	-	29.450.000.000	100,00%	29.450.000.000	-	29.450.000.000
3	Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Địa ốc HAI	100,00%	100.000.000.000	-	100.000.000.000	100,00%	100.000.000.000	-	100.000.000.000
III	Đầu tư vào đơn vị khác	SLCP	2.249.390.000	(1.112.540.000)	1.136.850.000	71.500	2.249.390.000	(962.390.000)	1.287.000.000
1	Công ty CP Bảo vệ thực vật Sài Gòn	71.500	2.249.390.000	(1.112.540.000)	1.136.850.000	71.500	2.249.390.000	(962.390.000)	1.287.000.000
	Tổng cộng		136.699.390.000	(1.112.540.000)	135.586.850.000		136.699.390.000	(962.390.000)	135.737.000.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

4. Phải thu khách hàng	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khách hàng ngắn hạn	721.647.039.434	27.691.371.287	593.836.620.277	27.691.371.287
<i>a</i> <i>Phải thu khách hàng không là các bên liên quan</i>	656.184.138.022	27.691.371.287	515.399.440.112	27.691.371.287
Cửa hàng vật tư nông nghiệp Phạm Trường Giang	38.911.452.527		11.536.890.521	
Branch of Hai Agrochem joint stock company	25.503.417.053		19.362.589.261	
Cửa hàng phân bón thuốc trừ sâu Phạm Thị Thu Bảy	43.192.121.168		19.344.958.089	
Cửa hàng vật tư nông nghiệp	11.570.788.080	6.693.358.616	11.600.788.080	6.693.358.616
Cửa hàng vật tư nông nghiệp Thanh Nga	7.188.613.780	5.187.921.905	7.188.613.780	5.187.921.905
Cửa hàng thuốc BVTV Lê Khắc Chuyên	4.207.895.588		5.428.454.400	
Đại lý Đặng Thanh Tùng	1.446.354.190		21.431.036.266	
Công ty CP Hiệp Phú	16.935.292.340		18.735.292.340	
Công ty TNHH xuất nhập khẩu Ngọc Thùy	5.478.745.211		-	
Đại lý thuốc bảo vệ thực vật Bình Lệ	6.447.279.386	2.327.279.386	6.447.279.386	2.327.279.386
Cửa hàng thuốc trừ sâu Tiếp	7.036.843.958		3.899.163.743	
Cửa hàng vật tư nông nghiệp Văn Lang	37.945.748.317		15.191.103.534	
Công ty TNHH SX thương mại dịch vụ bột mỳ Thủ Đức	17.466.363.160		17.951.363.160	
Công ty CP xuất nhập khẩu tạp phẩm	11.888.520.000		12.944.520.000	
Cửa hàng VTNN Phạm Thị Xuyên	49.161.375.991		27.080.062.770	
Cửa hàng VTNN Tư Hùm	6.153.382.083		8.254.932.083	
Công ty cổ phần Long Hiệp	51.631.678.649		18.403.724.121	
Đại lý vật tư nông nghiệp Vũ Hà	6.001.428.241	185.971.882	6.001.428.241	185.971.882

Công ty TNHH Minh Long	20.288.020.778	3.680.000.000
Cửa hàng Nguyễn Văn Ka	12.715.515.000	11.053.015.000
Đại lý Lân Tuyền	7.573.392.600	7.573.392.600
Cửa hàng vật tư nông nghiệp Nhứt Thông	58.120.694.596	40.304.377.105
Công ty TNHH Hải Quốc Cường	5.349.560.347	5.349.560.347
Trình Thị Thanh Huyền	15.007.500.000	15.007.500.000
Hoàng Thị Thu Hà	11.992.500.000	11.992.500.000
Công ty TNHH Thương mại HK	2.458.226.253	5.313.408.103
Công ty CP thức ăn chăn nuôi Spotlight	21.643.158.500	21.643.158.500
Công ty cổ phần Hóc Môn	11.302.852.923	10.025.588.379
Các khách hàng khác	141.565.417.303	152.654.740.303
b Phải thu khách hàng là các bên liên quan	65.462.901.412	78.437.180.165
Công ty TNHH nông được HAI Quy Nhơn	11.061.200.853	16.516.449.720
Cty TNHH đầu tư và phát triển FLC Vĩnh Phúc	6.000.000	6.000.000
Công ty TNHH SX & TM Hai Long An	53.926.986.079	61.536.638.880
Công ty CP tập đoàn FLC	468.714.480	378.091.565
Cộng	721.647.039.434	593.836.620.277
	27.691.371.287	27.691.371.287

5. Trả trước cho người bán	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Trả trước các bên không liên quan	33.947.983.876	-	29.605.080.069	-
Công ty TNHH Công nghệ Mối trường Nông lâm	4.769.362.350		4.769.362.350	
Công ty CP Cơ điện Tam Phát	5.047.542.180		5.047.542.180	
Công ty TNHH SXTMDV Cơ khí Việt Tâm	2.292.699.520		2.292.699.520	
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ngọc Đình Phong	3.382.446.690		2.582.446.690	

Công ty TNHH TM-DV SHIP-CONS
 Công ty TNHH Xây Dựng Kiến Nguyên
 Các khách hàng khác
Trả trước các bên liên quan
 Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Địa ốc HAI
 Công ty cổ phần Liên doanh Đầu tư Quốc tế KLF
Cộng

2.549.969.895
 8.293.602.400
 7.612.360.841
1.862.272.856
 1.400.672.856
 461.600.000
 35.810.256.732

2.549.969.895
 8.293.602.400
 4.069.457.034
1.423.282.856
 1.423.282.856
 31.028.362.925

5. Phải thu khác	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
5.1 Phải thu khác ngắn hạn	115.778.796.265	-	89.509.346.923	-
a	101.579.892.350	-	81.778.162.165	-
<i>Phải thu khác - TK 138</i>	5.318.614.479	-	927.246.902	-
<i>Phải thu khác các bên không liên quan</i>	107.250.000		71.500.000	
Công ty Cổ phần Bảo vệ thực vật Sài Gòn				
DOW AGROSCIENCES (MALAYSIA) SDN BHD	4.767.000.000			
Các đối tượng khác	444.364.479	-	855.746.902	-
<i>Phải thu khác các bên liên quan</i>	96.261.277.871	-	80.850.915.263	-
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Địa ốc HAI	69.961.268.724	-	56.727.723.362	-
Công ty TNHH Nông được HAI Quy Nhơn	2.649.259.147	-	1.365.184.301	-
Công ty TNHH SX và TM HAI - Long An	23.650.750.000		22.758.007.600	
b	11.468.700.185	-	7.160.184.758	-
<i>Phải thu về tạm ứng</i>				
Biện Phương Đồng	1.649.817.713		1.612.817.713	
Vũ Mạnh Tuấn	678.305.599		310.817.800	
Vũ Ngọc Duy	1.313.976.000		804.925.572	
Nguyễn Thu Phong	1.331.000.000		-	
Các đối tượng khác	6.495.600.873		4.431.623.673	
c	2.730.203.730	-	571.000.000	-
<i>Phải thu về ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>				
Tiền đặt cọc thuê nhà 28 Mạc Đĩnh Chi	30.000.000		30.000.000	

Tiền đặt cọc đồng hồ hồ nước tại đắk lắk		1.000.000	1.000.000
Tiền đặt cọc thuê nhà - Công ty An Đại Việt		10.000.000	10.000.000
Ký quỹ mở LC		2.689.203.730	530.000.000
5.2	Phải thu khác dài hạn	10.000.000	10.000.000
<i>Phải thu về ký quỹ, ký cược dài hạn</i>			
Ký quỹ Taxi Vinasun		3.000.000	3.000.000
Ký quỹ Taxi Mai Linh		3.000.000	3.000.000
Ký quỹ Công ty Điện lực Thanh Hóa		4.000.000	4.000.000
5.3	Tài sản thiếu chờ xử lý	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng tồn kho		2.185.169.138	2.185.169.138
Cộng		2.185.169.138	2.185.169.138
6.	Hàng tồn kho	Số cuối kỳ	Số đầu năm
		Giá gốc	Giá gốc
Hàng mua đang đi trên đường		-	2.080.000.000
Nguyên liệu vật liệu		13.261.499.087	7.138.128.325
Chi phí SXKD dở dang			-
Thành phẩm		18.336.433.194	24.869.928.826
Hàng hóa		321.341.948.101	286.785.178.447
Hàng gửi bán		91.034.582.256	76.425.161.104
Cộng giá gốc hàng tồn kho		443.974.462.638	397.298.396.702
		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (028) 38244975 - Fax: (028) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động
từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định						
Số dư đầu kỳ	29.982.134.439	6.776.154.061	23.002.112.820	1.548.080.121	461.144.560	61.769.626.001
- Mua trong kỳ		368.372.728		73.261.818	805.083.744	1.246.718.290
- XDCB hoàn thành						-
- Tăng khác						-
- Chuyển sang BĐS đầu tư						-
- Thanh lý, nhượng bán	1.190.302.720					1.190.302.720
- Giảm khác						-
Số dư cuối kỳ	28.791.831.719	7.144.526.789	23.002.112.820	1.621.341.939	1.266.228.304	61.826.041.571
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	8.652.975.113	5.618.116.993	12.984.311.634	547.368.299	92.692.310	27.895.464.349
- Khấu hao trong kỳ	801.294.832	186.844.752	1.046.227.423	147.707.196	77.088.658	2.259.162.861
- Tăng khác						-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-	-
- Thanh lý, nhượng bán	103.159.576				-	103.159.576
- Giảm khác					-	-
Số dư cuối kỳ	9.351.110.369	5.804.961.745	14.030.539.057	695.075.495	169.780.968	30.051.467.634
Giá trị còn lại của TSCĐ						
- Tại ngày đầu kỳ	21.329.159.326	1.158.037.068	10.017.801.186	1.000.711.822	368.452.250	33.874.161.652
- Tại ngày cuối kỳ	19.440.721.350	1.339.565.044	8.971.573.763	926.266.444	1.096.447.336	31.774.573.937

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (028) 38244975 - Fax: (028) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hoá	Phần mềm máy tính	Giấy phép và giấy nhượng quyền	Website	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định							
Số dư đầu kỳ	57.706.175.488	593.310.000	573.333.333	1.964.403.321	454.402.000	157.418.182	61.449.042.324
- Mua trong kỳ				85.000.000		-	85.000.000
- XDCB hoàn thành						-	-
- Tăng khác					-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	109.697.280				-	-	109.697.280
- Giảm khác				-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	57.596.478.208	593.310.000	573.333.333	2.049.403.321	454.402.000	157.418.182	61.424.345.044
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu kỳ	8.219.284.607	280.768.209	573.333.333	1.897.233.853	136.320.588	41.470.781	11.148.411.371
- Khấu hao trong kỳ	533.483.994	39.868.122		29.473.151	22.720.098	26.236.368	651.781.733
- Tăng khác						-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán					-	-	-
- Giảm khác					-	-	-
Số dư cuối kỳ	8.752.768.601	320.636.331	573.333.333	1.926.707.004	159.040.686	67.707.149	11.800.193.104
Giá trị còn lại của TSCĐ							
- Tại ngày đầu kỳ	49.486.890.881	312.541.791	-	67.169.468	318.081.412	115.947.401	50.300.630.953
- Tại ngày cuối kỳ	48.843.709.607	272.673.669	-	122.696.317	295.361.314	89.711.033	49.624.151.940

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (028) 38244975 - Fax: (028) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

9. Chi phí XDCB dở dang:	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đăng ký tên sản phẩm	1.880.700.000	1.810.700.000
Dự án đo đạc, bản vẽ 364 KDV	31.737.905	31.737.905
Tư vấn XD hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015	616.190.476	453.333.333
Dự án nhà máy SX Nông dược HAI	2.096.997.106	1.411.372.368
Dự án cao tốc VP Trung tâm thương mại HAI	30.000.000	30.000.000
Công trình tổng kho HAI Tiền Giang	247.171.818	-
Chi phí chuyển nhượng đất tại Kiên Giang	4.610.909	4.610.909
Hệ thống mô hình Aquaponics	13.636.364	-
Phần mềm SAP	413.008.500	-
Chi phí mua đất công nghiệp tại tiền giang	420.000.000	-
Cộng	5.754.053.078	3.741.754.515
10. Chi phí trả trước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
10.1 Chi phí trả trước ngắn hạn	3.137.839.184	11.330.343.344
Chi phí trả trước ngắn hạn thuê văn phòng	40.967.084	169.136.366
Chi phí trả trước ngắn hạn thuê dịch vụ	178.545.173	188.635.190
Chi phí trả trước bảo hiểm, phí đường bộ	313.194.987	113.493.929
Chi phí sửa chữa, phụ tùng thay thế và CCDC	-	3.166.668
Chi phí sửa chữa	128.643.118	87.368.026
Chi phí lãi vay trả trước	-	1.753.424.386
Phụ tùng thay thế	156.658.644	140.881.361
Chi phí trả trước khác	2.319.830.178	8.874.237.418
10.2 Chi phí trả trước dài hạn	11.426.546.257	6.239.753.762
Phí lệ phí trả trước cho nhiều năm	260.764.388	290.267.671
Chi phí thuê đất Tiền Giang	5.686.542.493	-
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	1.746.686.483	2.354.769.588
Công cụ, dụng cụ	3.704.813.980	3.554.549.834
Chi phí trả trước dài hạn khác	27.738.913	40.166.669
11. Vay và nợ thuê tài chính (phụ lục 01)		
12. Phải trả người bán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn	297.387.562.879	191.091.826.683

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (028) 38244975 - Fax: (028) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

a Phải trả người bán không là các bên liên quan	286.390.134.181	185.962.325.765
Công ty Cổ phần Long Hiệp	58.154.330.586	22.629.602.720
Công ty TNHH DEKALB Việt Nam	20.420.000.000	5.300.000.000
Công ty TNHH Minh Long	10.835.321.468	3.926.632.423
COROMADEL INTERNATIONAL LIMITED	20.985.173.550	3.328.800.000
DOW AGROSCIENCES (MALAYSIA) SDN BHD	24.851.633.400	84.971.678.400
FORWARD INTERNATIONAL LTD	32.671.762.200	5.435.520.000
Các khách hàng khác	118.471.912.977	60.370.092.222
b Phải trả người bán là các bên liên quan	10.997.428.698	5.129.500.918
Công ty CP Hóa chất và Vật tư Khoa học Kỹ thuật	6.783.468.750	1.854.376.000
Công ty TNHH SX & TM HAI - LONG AN	4.213.959.948	3.275.124.918

*Tất cả các khoản phải trả trên đều là nợ trong hạn và Công ty có khả năng thanh toán***13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

a. Các khoản phải nộp Nhà nước	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT nội địa và NK	70.753.738	13.514.581.586	13.170.608.929	414.726.395
Thuế TNDN	11.453.162.706	6.862.156.436	-	18.315.319.142
Thuế TNCN	247.173.389	1.751.489.954	1.872.511.434	126.151.909
Thuế môn bài		15.000.000	15.000.000	-
Các loại thuế khác		5.066.302	2.193.488	2.872.814
Cộng	11.771.089.833	22.148.294.278	15.060.313.851	18.859.070.260

b. Các khoản phải thu Nhà nước	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế môn bài - CN Thanh Hóa	-	1.000.000	2.000.000	1.000.000
Thuế XNK	26.344.435	3.436.188.766	3.430.479.706	20.635.375
Cộng	26.344.435	3.437.188.766	3.432.479.706	21.635.375

14. Chi phí phải trả	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	874.717.450	963.418.171
Chi phí khác	-	311.852.155
Cộng	874.717.450	1.275.270.326

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (028) 38244975 - Fax: (028) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

15. Các khoản phải trả khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn	26.180.491.532	30.246.879.132
Kinh phí Công Đoàn	136.761.000	26.660.000
Bảo hiểm xã hội	364.015.316	50.433.366
Bảo hiểm Y Tế	60.374.250	-
Bảo hiểm thất nghiệp	26.833.000	-
Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	2.245.564.000	2.245.564.000
Công ty cổ phần Long Hiệp	55.346.469	55.346.469
Công ty mua bán nợ & TSTD của DN- CN TPHCM	8.500.000	8.500.000
Công ty TNHH SX và TM HAI Long An	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Địa ốc HAI	22.300.000.000	27.100.000.000
Phải trả, phải nộp khác	256.969.393	256.969.393
Dư Có TK 138	226.128.104	3.405.904
16. Doanh thu chưa thực hiện	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện	103.284.000	-
Cộng	103.284.000	-
17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả:		
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.663.246	-
Cộng tài sản thuế thu nhập DN hoãn lại	1.663.246	-
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	20.656.800	42.269.469

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (028) 38244975 - Fax: (028) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

18. Tăng, giảm vốn chủ sở hữu

A- bảng đối chiếu biến động nguồn vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	LN sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	1.172.993.140.000	36.964.490.021	17.823.516.186	-	64.973.498.718	1.292.754.644.925
- Tăng vốn trong năm trước						-
- Lãi trong năm trước					43.748.396.003	43.748.396.003
- Tăng khác			9.810.220.474			9.810.220.474
- Giảm vốn do trích lập các quỹ thuộc nguồn vốn năm nay					16.395.765.576	16.395.765.576
- Chia, trả cổ tức trong năm trước						-
- Giảm khác		13.200.000			598.320.793	611.520.793
2. Số dư cuối năm trước	1.172.993.140.000	36.951.290.021	27.633.736.660	-	91.727.808.352	1.329.305.975.033
3. Số dư đầu kỳ này	1.172.993.140.000	36.951.290.021	27.633.736.660	-	91.727.808.352	1.329.305.975.033
- Tăng vốn trong kỳ						-
- Lãi trong kỳ					28.723.753.615	28.723.753.615
- Tăng khác			9.197.053.561		26.392.254	9.223.445.815
- Giảm vốn trong kỳ						-
- Giảm do trích lập các quỹ trong kỳ					15.328.422.601	15.328.422.601
- Giảm khác trong kỳ		46.400.000			4.901.538	51.301.538
4. Số dư cuối kỳ	1.172.993.140.000	36.904.890.021	36.830.790.221	-	105.144.630.082	1.351.873.450.324

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DU'ỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (028) 38244975 - Fax: (028) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

B. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	1.172.993.140.000	1.172.993.140.000
Cộng	1.172.993.140.000	1.172.993.140.000
C. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:	Kỳ này	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	1.172.993.140.000	1.172.993.140.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	1.172.993.140.000	1.172.993.140.000
D. Cổ phiếu	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	117.299.314	117.299.314
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	117.299.314	117.299.314
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>117.299.314</i>	<i>117.299.314</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	117.299.314	117.299.314
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>117.299.314</i>	<i>117.299.314</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 VND/ 1 Cổ phiếu	
Đ. Các quỹ doanh nghiệp	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	36.830.790.221	27.633.736.660
VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (ĐVT: VND)		
1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Thuốc BVTV	602.517.229.467	535.813.236.968
Thuốc kích thích tăng trưởng	14.041.530.318	24.099.627.163
Dung môi	212.722.000	338.392.400
Hàng nông sản	728.115.000	14.854.462.500
Giống	19.233.016.800	39.500.106.710
DV quảng bá khuyến mại	1.939.039.426	1.532.065.206
Khác	1.487.312.604	5.222.439.194
Cộng	640.158.965.615	621.360.330.141
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	251.428.500	-
+ Hàng bán trả lại	251.428.500	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	639.907.537.115	621.360.330.141

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (028) 38244975 - Fax: (028) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

4. Giá vốn hàng bán	Kỳ này	Kỳ trước
Thuốc BVTV	506.327.100.934	451.901.944.325
Thuốc kích thích tăng trưởng	9.924.545.277	16.174.180.251
Dung môi	209.689.027	305.651.718
Hàng nông sản	730.331.363	13.705.427.802
Giống	21.412.967.742	38.613.324.743
DV quảng bá khuyến mại	1.890.739.065	1.421.861.463
Khác	1.403.458.428	4.806.200.747
Cộng	541.898.831.837	526.928.591.049
5. Doanh thu hoạt động tài chính	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	171.458.350	166.906.159
Lãi cho vay	15.789.156.474	11.023.549.872
Lãi chênh lệch tỷ giá	721.734.938	1.799.157.046
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.319.824.846	2.011.500.000
Cộng	18.002.174.608	15.001.113.077
6 Chi phí hoạt động tài chính	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền vay	20.180.562.831	16.589.958.712
Lỗ chênh lệch tỷ giá	968.854.472	100.658.742
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn.	150.150.000	308.591.749
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn.	-	(672.100.000)
Chiết khấu thanh toán cho người mua	1.946.301.907	10.000.000
Cộng	23.245.869.210	16.337.109.203
7. Chi phí bán hàng	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên	18.074.919.861	18.824.029.693
Chi phí vật liệu, bao bì	1.534.595.343	1.055.041.560
Chi phí CCDC	722.158.528	556.713.704
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.336.909.356	2.191.633.502
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.791.829.742	12.970.084.031
Chi phí bằng tiền khác	11.774.014.022	20.374.346.206
Cộng	56.234.426.852	55.971.848.696
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nhân viên quản lý	4.139.434.377	4.598.959.892
Chi phí vật liệu, bao bì quản lý	277.519.391	268.096.504
Chi phí đồ dùng văn phòng	759.743.161	642.593.385
Chi phí khấu hao TSCĐ	554.196.858	576.880.928
Thuế, phí, lệ phí	15.000.000	264.414.397

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (028) 38244975 - Fax: (028) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

Chi phí trích lập dự phòng		-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.050.344.103	1.398.011.024
Chi phí bằng tiền khác	898.490.297	768.077.080
Cộng	9.694.728.187	8.517.033.210
9. Thu nhập khác	Kỳ này	Kỳ trước
Hỗ trợ quảng cáo SP, hỗ trợ khuyến mại, chiết khấu thanh toán và bồi thường	8.761.447.302	7.797.292.000
Thu khác	1.781,00	83.373.213,00
Cộng	8.761.449.083	7.880.665.213
10. Chi phí khác	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí thanh lý tài sản cố định		
Phạt chậm thanh toán lãi tiền vay	3.100.725	
Nộp phạt vi phạm hành chính	5.066.847,00	-
Nộp phạt vi phạm hợp đồng kinh tế	3.610.198	155.000.810
Chi phí khác	1.587	178.465.657
Cộng	11.779.357	333.466.467
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.885.047.663	6.844.490.001
Cộng	6.885.047.663	6.844.490.001
Chi phí thuế TNDN hiện hành là chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017 và sẽ được điều chỉnh khi công ty thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp vào cuối năm tài chính.		
12. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí nguyên vật liệu, hàng hóa	540.042.951.661	643.960.286.016
Chi phí CCDC, đồ dùng	1.964.905.325	1.199.307.089
Chi phí nhân viên	23.622.089.667	24.802.282.229
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.891.106.214	2.768.514.430
Thuế, phí, lệ phí	15.000.000	264.414.397
Trích lập dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.814.378.199	26.907.091.263
Chi bằng tiền khác	12.672.504.319	21.142.423.286
Cộng	608.022.935.385	721.044.318.710

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (VND)

Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

Trong kỳ không có khoản tiền nào do doanh nghiệp nắm giữ mà không được sử dụng.

Kỳ này

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (028) 38244975 - Fax: (028) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	489.271.272.967
Ngân hàng NN&PTNT - CN Phú Nhuận	56.313.563.659
Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát triển nông thôn CN SG	112.631.101.156
Ngân hàng Công thương Việt Nam-CN1-TPHCM	84.086.276.194
Ngân hàng TMCP QUÂN ĐỘI CNSGD2 TPHCM	42.096.634.000
Ngân hàng VIETCOMBANK-CN Sài Gòn	46.408.621.296
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển VN- CNHCM	146.165.076.662
Vay cá nhân	1.570.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	434.534.058.777
Ngân hàng NN&PTNT - CN Phú Nhuận	55.858.761.296
Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát triển nông thôn CN SG	124.363.550.229
Ngân hàng Công thương Việt Nam-CN1-TPHCM	21.661.746.024
Ngân hàng TMCP QUÂN ĐỘI CNSGD2 TPHCM	18.203.589.207
Ngân hàng VIETCOMBANK-CN Sài Gòn	37.398.290.067
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển VN- CNHCM	131.870.121.954
Vay cá nhân	45.178.000.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1 Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm: vốn điều lệ cộng với thặng dư vốn cổ phần trừ đi cổ phiếu quỹ, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
-Tiền và các khoản tương đương tiền	29.687.837.664	29.687.837.664
- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	873.236.092.431	847.729.890.282

Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Công nợ tài chính
tại ngày 30/06/2017**

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Tổng cộng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán	297.387.562.879	-	297.387.562.879

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (028) 38244975 - Fax: (028) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

Các khoản phải trả ngắn hạn khác	26.180.491.532	-	26.180.491.532
Chi phí phải trả	874.717.450	-	874.717.450
Vay và nợ thuê tài chính	530.376.327.576	-	530.376.327.576

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Rủi ro này công ty quản trị bằng việc thực hiện mua hàng từ một số lượng lớn từ các nhà cung cấp trong nước, cũng như linh hoạt trong việc đàm phán và điều chỉnh giá bán cho người mua khi có biến động lớn về giá cả hàng hóa.

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn

2. Thông tin về các bên liên quan khác**2.1 Ngoài danh sách các thành viên trong HĐQT, BGD và BKS các bên có liên quan khác bao gồm:**

Tên tổ chức/ cá nhân có liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn.	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển địa ốc HAI .	Công ty con
Công ty TNHH SX và TM HAI Long An	Công ty con
Công ty Cổ phần Tập đoàn FLC	Cổ đông lớn; Lê Thành Vinh là Phó chủ tịch; Trần Thế Anh là Phó TGD; Nguyễn Bình Phương TV BKS
Công ty Cổ phần liên doanh Đầu tư Quốc tế KLF	Công ty liên kết của FLC ; Lê Văn Sắc và Nguyễn Bình Phương là TV BKS; Trần Thế Anh là TV HĐQT; Nguyễn Thiện Phú là TBKS
Ông Phạm Văn Nùng	Cổ đông lớn

2.2. Doanh thu bán hàng và CCDV

	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty TNHH HAI Quy Nhơn	19.089.748.332	19.060.212.984
Công ty TNHH ĐT và phát triển Địa ốc HAI (TK515)	15.633.545.362	10.987.549.872
Công ty TNHH SX & TM HAI Long An	139.504.341.589	-
Công ty CP liên doanh đầu tư quốc tế KLF	8.047.500.000	16.125.000.000
Công ty CP tập đoàn FLC	702.985.600	-
Cộng	19.792.733.932	19.060.212.984

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (028) 38244975 - Fax: (028) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

2.3. Mua hàng hóa dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty TNHH Nông dược HAI Quy Nhơn	4.887.824.600	2.922.670.800
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Địa ốc HAI	22.610.000	1.000.001.059
Công ty TNHH SX và TM HAI - Long An	9.889.460.460	3.027.363.750
Công ty CP liên doanh đầu tư quốc tế KLF	-	196.477.727
Công ty CP Hóa chất và Vật tư Khoa học Kỹ thuật	166.168.369.000	-
Cộng	180.968.264.060	7.146.513.336

2.4. Các khoản phải thu

	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
Công ty TNHH Nông Dược HAI Quy Nhơn -TK131	11.061.200.853	16.516.449.720
Công ty TNHH Nông Dược HAI Quy Nhơn -TK138	2.649.259.147	1.365.184.301
Công ty TNHH ĐT và phát triển Địa ốc HAI - TK 138	69.961.268.724	56.808.512.044
Công ty TNHH ĐT và phát triển Địa ốc HAI - TK 128	665.800.000.000	665.800.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Địa ốc HAI - Dự Nợ TK331	1.400.672.856	1.423.282.856
Công ty cổ phần Liên doanh Đầu tư Quốc tế KLF - Dự Nợ TK 331	461.600.000	-
Công ty TNHH SX và TM HAI - Long An - TK138	23.650.750.000	22.758.007.600
Công ty TNHH SX và TM HAI - Long An - TK131	53.926.986.079	61.536.638.880
Công ty CP tập đoàn FLC - TK131	468.714.480	378.091.565
Cty TNHH ĐT và phát triển FLC Vĩnh Phúc - TK131	6.000.000	6.000.000
Cộng	829.386.452.139	826.592.166.966

2.5. Các khoản phải trả

	Tại ngày 30/06/2017	Tại ngày 01/01/2017
Công ty TNHH SX và TM HAI Long An - TK 331	4.213.959.948	3.275.124.918
Công ty CP Hóa chất và Vật tư khoa học kỹ thuật - TK331	6.783.468.750	1.854.376.000
Công ty TNHH SX và TM HAI Long An - TK338	500.000.000	500.000.000
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Địa ốc HAI	22.300.000.000	27.100.000.000
Cộng	33.797.428.698	32.729.500.918

2.6. Thu nhập HĐQT và các thành viên chủ chốt

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập HĐQT và các thành viên chủ chốt	1.140.860.000	1.355.683.736
Cộng	1.140.860.000	1.355.683.736

3 Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (028) 38244975 - Fax: (028) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp

Công ty có kinh doanh các dịch vụ chính sau: Bán hàng hoá, thành phẩm...

Doanh thu bán hàng theo khu vực địa lý:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Bán hàng tại Việt Nam	618.990.093.769	607.685.110.825
Bán hàng tại Campuchia	20.917.443.346	13.675.219.316

Thông tin về kết quả kinh doanh, của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

<u>Kỳ này</u>	<u>Doanh thu theo bộ phận</u>	<u>Chi phí theo bộ phận</u>	<u>KQKD theo bộ phận</u>
Thuốc BVTV	602.265.800.967	506.327.100.934	95.938.700.033
Thuốc kích thích tăng trưởng	14.041.530.318	9.924.545.277	4.116.985.041
Dung môi	212.722.000	209.689.027	3.032.973
Hàng nông sản	728.115.000	730.331.363	(2.216.363)
Giống	19.233.016.800	21.412.967.742	(2.179.950.942)
DV quảng bá khuyến mại	1.939.039.426	1.890.739.065	48.300.361
Khác	1.487.312.604	1.403.458.428	83.854.176
Các chi phí không phân bổ theo BP			(65.929.155.039)
Cộng	639.907.537.115	541.898.831.837	32.079.550.240

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2016 và số liệu tại ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và kế toán Hà Nội.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong kỳ hoạt động tiếp theo

6. Những thông tin khác

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kế toán cho các giao dịch tại Công ty có thể được giải thích theo cách khác nhau vì vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 08 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Đỗ Thị Ngọc Út



Phạm Thanh Vương



Tổng Giám đốc

Quách Thành Đồng

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (028) 38244975 - Fax: (028) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

Phụ lục 01

11 Vay và nợ thuê tài chính

Khoản mục	Số cuối kỳ		Trong kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
11.1 Vay ngắn hạn	530.376.327.576	530.376.327.576	489.271.272.967	434.558.902.875	475.663.957.484	475.663.957.484
Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển nông thôn - CN Phú Nhuận - VND (1)	44.929.314.965	44.929.314.965	56.313.563.659	53.499.865.394	42.115.616.700	42.115.616.700
Ngân hàng Nông Nghiệp & Phát triển nông thôn CN Sài Gòn-VND (2)	108.218.526.181	108.218.526.181	112.631.101.156	124.363.550.229	119.950.975.254	119.950.975.254
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-CN1-TPHCM-Vay VND (3)	75.081.107.876	75.081.107.876	84.086.276.194	21.661.746.024	12.656.577.706	12.656.577.706
Ngân hàng TMCP QUẢN ĐỘI CNSGD2 TPHCM- VND (4)	42.096.634.000	42.096.634.000	42.096.634.000	18.203.589.207	18.203.589.207	18.203.589.207
Vay ngắn hạn-VND-Cá nhân	13.120.000.000	13.120.000.000	1.570.000.000	45.178.000.000	56.728.000.000	56.728.000.000
VIETCOMBANK-CN Sài Gòn - Vay VND	40.064.623.053	40.064.623.053	46.408.621.296	37.398.290.067	31.054.291.824	31.054.291.824
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN HCM (5)	206.866.121.501	206.866.121.501	146.165.076.662	131.870.121.954	192.571.166.793	192.571.166.793
Ngân hàng Nông nghiệp&PTNT CN Phú nhuận-USD	-	-		2.383.740.000	2.383.740.000	2.383.740.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG DƯỢC HAI

Địa chỉ: 28 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (028) 38244975 - Fax: (028) 38223088

Thuyết minh báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động

từ ngày 01/01/2017 đến 30/06/2017

11.2 Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - CN Phú Nhuận - VND (5)						
Tổng cộng	530.376.327.576	530.376.327.576	489.271.272.967	434.558.902.875	475.663.957.484	475.663.957.484

(1) Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 1604-LAV-201700456 ngày 05/05/2017. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay: cụ thể theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 12 tháng. Lãi suất: 7%/năm tại thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng. Bảo đảm tiền vay: Không có bảo đảm bằng tài sản.

Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 1600-LAV-201700108 ngày 17/01/2017. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Thời hạn vay: Cụ thể theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 12 tháng. Lãi suất: theo từng lần nhận nợ, Tài sản đảm bảo:

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất tại Ấp Phước Ninh, Xã Mong Thọ B, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 288330, số vào sổ cấp GCN CT00914 ngày 09/05/2011 do UBND tỉnh Kiên Giang cấp

+ Quyền sử dụng đất tại Ấp Tâm Phước, Xã Đại Tâm, Huyện Mỹ Xuyên, Tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 902011, số vào sổ cấp GCN T02 ngày 22/10/2007 do UBND tỉnh Sóc Trăng cấp.

(3) Hợp đồng tín dụng số 55/2016-HĐTDHM/NHCT902-HAI kí ngày 12/04/2016. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn: theo từng lần nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo: Quyền sử dụng 4.639 m² đất sản xuất kinh doanh tại thửa đất số 174,175 Tờ bản đồ số 4, Phường 4, Thị xã Cai Lậy, Tỉnh Tiền Giang

(4) Hợp đồng cấp tín dụng số 24989.16.103.2355569.TD ký ngày 23/11/2016

(5) Hợp đồng hạn mức số 01/2016/3630041/HĐTD ngày 31/3/2016. Tài sản thế chấp: Quyền sử dụng đất tại 358 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc, Quận Bình Tân, TP. HCM. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, mở L/C.

